

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2021

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Kim T, sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi ĐKKHKT: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Chí H, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp V, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trương Kim T như sau:

Chị và anh H tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện chửi và đánh vợ vì chị T không chịu nổi việc anh H đánh chị nên chị bỏ đi làm thuê trên Bình Dương và sống ly thân với anh H từ tháng 5/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh H không gặp nhau và ít liên lạc với nhau, chị đã suy nghĩ rất kỹ là không thể hàn gắn hôn nhân này được nữa vì chị không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Thời gian chung sống, chị và anh H có hai người con chung tên Huỳnh Thị H1, sinh ngày 20/10/2000 đã có gia đình sống riêng và Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2006 sống chung với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định là không có.

Nguyên vọng: Về hôn nhân chị Trương Kim T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Chí H. Về con chung đối với con tên Huỳnh Thị H1, sinh ngày 20/10/2000 đã trưởng thành có gia đình sống riêng nên chị T không yêu cầu gì; còn con tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2006 thì tùy nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, nếu theo chị thì chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 18/1/2021 bị đơn anh Huỳnh Chí H có ý kiến: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian sống chung vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Anh cũng thừa nhận anh và chị T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên vọng: Về hôn nhân anh Huỳnh Chí H đồng ý ly hôn với chị Trương Kim T. Về con chung đối với con tên Huỳnh Thị H1, sinh ngày 20/10/2000 đã có gia đình sống riêng nên anh H không yêu cầu gì. Còn con tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2006 thì tùy nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, nếu Yến Nhi có nguyện vọng sống với chị T thì anh H đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung không có nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của chị Trương Kim T và anh Huỳnh Chí H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Huỳnh Chí H là bị đơn trong vụ án nhưng anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, xét việc vắng mặt anh H không gây trở ngại khi xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Kim T và anh Huỳnh Chí H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999, anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, chị T cho rằng do hai người không

hợp, không có tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu về chửi, đánh chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; do đó anh chị đã tự ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị T cũng đã suy nghĩ rất kỹ và xác định không thể hàn gắn tình cảm lại được nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Tại bản tự khai của anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do hôn nhân của anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị; mà cần áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa chị Trương Kim T và anh Huỳnh Chí H là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T, anh H đều thừa nhận có hai người con chung tên Huỳnh Thị H1, sinh ngày 20/10/2000 và Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2006. Đối với Huỳnh Thị H1 đã trưởng thành có gia đình riêng và anh chị không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Huỳnh Thị Yến N chị T và anh H thống nhất giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu Nhi cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh chị xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng chị T phải nộp do chị có yêu cầu.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị Trương Kim T và anh Huỳnh Chí H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2006 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trương Kim T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009641 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (15/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh